TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160**/2017/HNGĐ_ST
Ngày: 15/6/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Giàu – Cán bộ hưu trí
2. Bà Phạm Thị Hải Anh – Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Diệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường 06 - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1996

Địa chỉ: 13A/6A, tổ 21, Kp. 02, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trương Hoàng Y**, sinh năm 1994

Địa chỉ: 280, Kp 10, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị X có mặt, anh Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày: Năm 2014, chị cùng anh Nguyễn Trương Hoàng Y tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 13/12/2014, UBND phường An Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 299/2014, quyển số 02/2014 cho vợ chồng anh chị. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống tính cách không hòa hợp, đồng thời do anh Y không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Từ tháng 10/2016 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân với anh Y từ đó

cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Y, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Y có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Kim Bảo, sinh ngày 16/6/2015, hiện nay cháu Bảo đang ở với anh Y. Khi ly hôn chị X đồng ý giao con chung cho anh Y trực tiếp nuôi dưỡng và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 05/4/2017, bị đơn anh Nguyễn Trương Hoàng Y trình bày: Năm 2014, anh cùng chị Nguyễn Thị Mỹ X tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 13/12/2014, UBND phường An Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 299/2014, quyển số 02/2014 cho vợ chồng anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị X trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nên đối với yêu cầu ly hôn của chị X anh không đồng ý. Đặt trường hợp chị Nguyễn Thị Mỹ X cương quyết xin ly hôn đối với anh, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị X có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Kim Bảo, sinh ngày 16/6/2015 hiện nay cháu Bảo đang ở với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị X đề xuất giao con chung cho anh Y nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng thì anh đồng ý.

Về tài sản chung; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trương Hoàng Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định chị Nguyễn Thị Mỹ X là nguyên đơn, anh Nguyễn Trương Hoàng Y là bị đơn trong vụ án.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Nguyễn Trương Hoàng Y có sổ hộ khẩu tại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn anh Nguyễn Trương Hoàng Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Y.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Nguyễn Trương Hoàng Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 299/2014, quyển số 02/2014, ngày 13/12/2014 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị X xác định chị không còn tình cảm với anh Y, do anh Y không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, các bên có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị đề nghị được ly hôn với anh Y. Theo biên bản xác minh ngày 19/4/2017, địa phương nơi anh Y thường trú cung cấp thông tin cho biết, quá trình chung sống vợ chồng giữa chị X và anh Y có phát sinh mâu thuẫn. Thực tế chị X và anh Y đã sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Y ngoài việc có ý kiến không đồng ý ly hôn, thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị X và anh Y có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Kim Bảo, sinh ngày 16/6/2015 hiện nay cháu Bảo đang ở với anh Y. Đối với con chung khi ly hôn chị X có ý kiến giao con chung cho anh Nguyễn Trương Hoàng Y được quyền trực tiếp nuôi con chung; chị X cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng. Yêu cầu này của chị X là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ hiện nay anh Y cũng là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cháu Bảo phát triển bình thường, hiện chị X vẫn đang được đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X đối với bị đơn anh Nguyễn Trương Hoàng Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1996 được ly hôn với anh Nguyễn Trương Hoàng Y, sinh năm 1994.

Giao con chung là Nguyễn Hoàng Kim Bảo, sinh ngày 16/6/2015 cho anh Nguyễn Trương Hoàng Y được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Bảo tròn 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Chị Nguyễn Thị Mỹ X được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003978 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị X phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P. An Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.